



THỰC TRẠNG ÁP DỤNG CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ TẠI CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM VÀ MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ

*PGS., TS. Phạm Thị Hoàng Anh,
Nguyễn Thị Lý, Lại Thu Hằng **

Tóm tắt

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, việc tuân thủ chuẩn mực quốc tế trong lập các báo cáo tài chính (BCTC) là một việc rất quan trọng đối với các doanh nghiệp nói chung và ngân hàng thương mại (NHTM) nói riêng. Xét trên khía cạnh các NHTM, việc áp dụng chuẩn mực BCTC quốc tế (International Financial Reporting Standards - IFRS) giúp tăng tính cạnh tranh của ngân hàng trong nước so với ngân hàng nước ngoài, đồng thời có những điều chỉnh chặt chẽ và minh bạch hơn về lợi nhuận, quản trị rủi ro và hệ thống thông tin. Bài viết làm rõ thực trạng áp dụng IFRS tại các NHTM Việt Nam trong thời gian qua, trong đó tập trung vào điểm khác biệt giữa chuẩn mực kế toán Việt Nam (Vietnamese Accounting Standards - VAS) và IFRS trong BCTC của các NHTM Việt Nam.

Từ khóa: Chuẩn mực BCTC, VAS, IFRS, NHTM.

1. Lời mở đầu

Trước bối cảnh Việt Nam đang ngày càng hội nhập sâu rộng vào kinh tế thế giới, sự chuyển mình của ngành Ngân hàng - một trong những ngành cốt lõi của nền kinh tế đang nhận được nhiều sự quan tâm từ phía Chính phủ, các cơ quan chức năng và các thành phần kinh tế khác. Đặc biệt, sự thay đổi từ trong chính những quy định pháp lý để phù hợp với sự toàn cầu hóa đang

đặt ra nhiều thách thức cho các NHTM. Theo đó, sự ra đời của IFRS là một trong những bước tiến quan trọng tạo ra khuôn khổ chung cho hệ thống ngân hàng tại Việt Nam nói riêng và trên thế giới.

Hiện nay, IFRS đang ngày càng trở nên phổ biến và có những lộ trình cũng như cách thức áp dụng riêng tại mỗi quốc gia. Theo báo cáo của Hội đồng chuẩn mực kế toán quốc tế (IASB) năm 2018, có tới 87% khu vực pháp lý yêu cầu sử dụng tiêu chuẩn IFRS

cho hầu hết các công ty trong nước. Trong đó, có 144 khu vực pháp lý yêu cầu bắt buộc cho tất cả hoặc hầu hết các công ty, 12 quốc gia cho phép tất cả hoặc hầu hết các công ty sử dụng, 9 khu vực pháp lý có tiêu chuẩn quốc gia riêng hoặc đang chuyển sang tiêu chuẩn IFRS. Mặt khác, IFRS được coi là chiếc chìa khóa vàng giúp phát triển thị trường tài chính, cụ thể là thị trường chứng khoán thông qua việc nâng cao tính minh bạch của thông tin cũng như tính nhất quán giữa

** Học viện Ngân hàng*

BIDV 
CHIA SẺ CƠ HỘI, HỢP TÁC THÀNH CÔNG

Chuyên mục này do Ngân hàng Thương mại cổ phần
Đầu tư và Phát triển Việt Nam tài trợ

số liệu báo cáo và việc ghi nhận chúng. Hơn nữa, trong thời kỳ hội nhập toàn cầu thì các NHTM, các tập đoàn đa quốc gia, các doanh nghiệp mở rộng thương mại quốc tế khiến cho việc có tiêu chuẩn chung trong việc lập và trình bày BCTC là điều quan trọng hơn bao giờ hết. Xét trên khía cạnh các NHTM, việc áp dụng IFRS giúp tăng tính cạnh tranh của ngân hàng trong nước so với ngân hàng nước ngoài, đồng thời có những điều chỉnh chặt chẽ về lợi nhuận, quản trị rủi ro và hệ thống thông tin.

2. Thực trạng áp dụng IFRS ở các NHTM Việt Nam

Nhận biết được tầm quan trọng trong việc hội tụ BCTC theo chuẩn quốc tế, việc thực hiện lập BCTC ở một số NHTM đã diễn ra từ rất sớm, trong đó BIDV dẫn đầu xu thế khi là ngân hàng đầu tiên thực hiện chuyển đổi BCTC từ năm 1996 hay Vietcombank cũng đã thực hiện việc chuyển đổi này từ năm 2002. Bảng 1 thể hiện số lượng ngân hàng tuân thủ áp dụng IFRS giai đoạn 2007 - 2020.

Cho đến năm 2020, mới có 13 ngân hàng áp dụng IFRS, việc áp dụng IFRS nhằm công bố minh bạch tài chính của ngân hàng đến các cổ đông nước ngoài, thu hút vốn FDI chất lượng cao hoặc thực hiện các dự án có sự đầu tư từ tổ chức nước ngoài... nhằm nâng cao vị thế cạnh tranh, cách tiếp cận với các chuẩn mực ngân hàng quốc tế và từng bước hội nhập khu vực và quốc tế. Trong thương vụ để bán 15% cổ phần cho HanaBank của Hàn Quốc với giá hơn 1 tỷ USD, ngoài việc BIDV phải áp dụng tỷ lệ an toàn vốn theo chuẩn Basel II, cải thiện

Bảng 1: Số lượng các ngân hàng áp dụng IFRS giai đoạn 2007 - 2020

Thời điểm	Số lượng ngân hàng áp dụng mới	Số lượng ngân hàng đã áp dụng	Tỉ lệ % ngân hàng đã áp dụng IFRS (tính trên tổng số 31 NHTMCP)
2007	0	3	9,68
2008	1	4	12,90
2009	1	5	16,13
2010	1	6	19,35
2011	0	6	19,35
2012	3	9	29,03
2013	2	11	35,48
2014	1	12	38,71
2015	0	12	38,71
2016	1	13	41,94
2017	0	13	41,94
2018	0	13	41,94
2019	0	13	41,94
2020	0	13	41,94

Nguồn: Nhóm nghiên cứu tổng hợp

tình hình quản trị, năng lực tài chính... BIDV còn phải lập và trình bày BCTC theo IFRS song hành cùng với BCTC theo VAS.

Trong dự án tái tạo năng lượng ngành điện năm 2008 với đề xuất cấp tín dụng của Bộ Tài chính theo điều khoản 40 của IDA, có 4 ngân hàng được đề xuất tham gia dự án bao gồm: BIDV, Vietcombank, Sacombank, ACB với điều kiện các ngân hàng tham gia phải được kiểm toán bởi công ty kiểm toán quốc tế, đồng thời, phải cung cấp thông tin theo BCTC kiểm toán theo IFRS. Với kinh nghiệm áp dụng IFRS từ năm 1996, tại thời điểm thẩm định thông tin bởi một ủy ban liên bộ bao gồm Bộ Công Thương, Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước (NHNN), BIDV là ngân hàng duy nhất đáp ứng được sự minh bạch thông tin cả về báo cáo theo IFRS và VAS. Hội nghị Hợp tác Kinh tế Á - Âu (ASEM) thông qua Ngân hàng Thế giới (WB) đã gia hạn cho VietinBank khoản tài trợ không hoàn lại cho hoạt động kiểm toán quốc tế trong hai năm tài chính 2003 và 2004 theo các Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế (IAS) và VAS.

Có thể thấy, BCTC theo IFRS luôn được ưu tiên trên thị trường quốc tế. Điểm khác biệt giữa 2 báo cáo này sẽ được thể hiện cụ thể thông qua so sánh dưới đây:

2.1. Bảng cân đối kế toán

Theo VAS, hiện chưa có chuẩn mực nào liên quan đến công cụ tài chính mà Bộ Tài chính chỉ ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6/11/2009 hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày BCTC và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng IFRS7 và IAS32, tuy nhiên, không nhắc đến IAS39 cách ghi nhận và xác định giá trị hợp lý của công cụ. Do vậy, các ngân hàng đều xác định giá trị theo giá trị sổ sách mà không xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính. Các công cụ tài chính của ngân hàng được phân loại dựa trên đặc điểm và bản chất thông tin. Theo IFRS, phân loại công cụ tài chính phụ thuộc vào mục đích nắm giữ, tính chất tại thời điểm phát sinh. Tất cả các công cụ tài chính ghi theo giá trị hợp lý cộng phí giao dịch, ngoại trừ tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

a) Sự khác biệt về phân loại công cụ tài chính

Danh mục (theo định nghĩa của IAS39)		Danh mục (theo định nghĩa của NHTM)	
Tài sản tài chính	Ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ	Tài sản tài chính nắm giữ cho mục đích kinh doanh	Chứng khoán nợ
		Tài sản tài chính phái sinh	Công cụ tài chính phái sinh – không phải để phòng ngừa rủi ro
	Cho vay và các khoản thu khác	Tiền mặt và tiền gửi lại NHNN	
		Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	
		Cho vay và ứng trước cho khách hàng	Khách hàng cá nhân Khách hàng tổ chức
		Các tài sản tài chính khác	
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán - chứng khoán nợ		
	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán - chứng khoán vốn		
Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn	Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn - chứng khoán nợ		
Nợ phải trả tài chính	Ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/ lỗ	Nợ phải trả tài chính phái sinh	Công cụ tài chính phái sinh - không phải trả để phòng ngừa rủi ro
	Ghi nhận theo giá trị phân bổ	Các khoản nợ NHNN	
		Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	
		Tiền gửi của khách hàng	
		Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	
	Giấy tờ có giá phát hành		
	Tài sản tài chính khác		
Công cụ tài chính ngoại bảng	Hợp đồng bảo lãnh tài chính		
	Thư tín dụng		

Nguồn: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)

b) Sự khác biệt về đo lường rủi ro tín dụng

IFRS Mô hình tổn thất dự kiến ECL (áp dụng cho tất cả tài sản tài chính bao gồm cả tài sản ngoại bảng) Các khoản cho vay khách hàng và trái phiếu chưa niêm yết: Chứng khoán, trái phiếu, đầu tư dài hạn				VAS Trích lập dự phòng rủi ro cho từng tài sản tài chính không tính đến rủi ro của tài sản ngoại bảng	
Expected loss = PD x LGD x EAD PD: xác suất vỡ nợ LGD: tỷ trọng tổn thất vốn ước tính EAD: dư nợ khách hàng					
	Giai đoạn 1	Giai đoạn 2	Giai đoạn 3	Dự phòng chung = 0,75% x tổng dư nợ Dự phòng cụ thể = tỷ lệ dự phòng cụ thể x dư nợ từng nhóm nợ * Đối với khoản cho vay khách hàng: Nợ đủ tiêu chuẩn: 0% Nợ cần chú ý: 5% Nợ dưới tiêu chuẩn: 20% Nợ nghi ngờ: 50% Nợ có khả năng mất vốn: 100% * Trái phiếu VAMC: 20%/năm trong 5 năm * Cho vay lĩnh vực nông nghiệp: được phép cơ cấu lại mà không thay đổi nhóm cho vay	Dự phòng giảm giá: * Chứng khoán có giá trị thị trường xác định được: <i>Dự phòng giảm giá = chênh lệch giữa giá trị sổ sách và giá trị thị trường</i> * Các khoản đầu tư dài hạn là khoản đầu tư vào công ty thua lỗ (trừ khoản lỗ được dự trù trước trong kế hoạch kinh doanh) <i>Dự phòng giảm giá = chênh lệch giữa vốn góp của ngân hàng với vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư x tỷ lệ nắm giữ</i>
Thời điểm	Thời điểm ghi nhận ban đầu (hoặc các giai đoạn sau nếu không bị tổn thất)	Rủi ro tín dụng tăng đáng kể - SICR	Có bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày báo cáo		
Ghi nhận tổn thất tín dụng	Tổn thất tín dụng dự kiến trong vòng 12 tháng	Tổn thất tín dụng dự kiến trong suốt thời hạn	Tổn thất tín dụng dự kiến trong suốt thời hạn		
Lãi suất thực tính	Trên tổng giá trị ghi sổ	Trên tổng giá trị ghi sổ	Trên tổng giá trị ghi sổ - dự phòng tổn thất tín dụng		

Nguồn: Nhóm nghiên cứu tổng hợp

2.2. Bảng kết quả hoạt động kinh doanh

	IFRS	VAS
Thu nhập lãi	IFRS9: + Lãi vay phải được ghi nhận theo phương pháp lãi suất thực tế trên cơ sở tỷ lệ thời gian có tính đến lợi tức hiệu quả của tài sản. + Ghi nhận thu nhập lãi đối với tài sản bị suy giảm giá trị ghi sổ giảm và với lãi suất được sử dụng để chiết khấu trong tương lai dòng tiền cho mục đích đo lường tổn thất.	VAS14: + Cho phép sử dụng cơ sở tỷ lệ thời gian để ghi nhận doanh thu lãi, nhưng sử dụng phương pháp đoạn thẳng. + Thu nhập lãi từ các khoản nợ tiêu chuẩn được ghi nhận trên cơ sở dồn tích và lãi suất danh nghĩa. + Không được ghi nhận thu nhập từ lãi đối với các khoản cho vay được phân loại vào nhóm 2 và các nhóm khác theo Thông tư số 02/2013/TT-NHNN ngày 21/01/2013 quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
Chi phí lãi vay	+ Chi phí lãi vay được trích trước theo phương pháp lãi suất hiệu quả	+ Lãi vay chi phí được tích lũy theo phương pháp đường thẳng sử dụng lãi suất danh nghĩa.
Thu nhập toàn diện khác (OCI)	Ghi nhận: + Sự thay đổi giá trị hợp lý của FVOCI + Sự thay đổi giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được chỉ định tại FVTPL do sự thay đổi trong rủi ro tín dụng	Không có
Thu nhập khác	+ IFRS15 ghi nhận doanh thu theo mô hình 5 bước, tập trung xác định nghĩa vụ phải thực hiện với khách hàng.	+ Theo VAS14 được xây dựng dựa trên IAS18, không có quy định tương đương, do đó dựa trên nguyên tắc thận trọng, không có sự ghi nhận thu nhập tiềm tàng.
Công cụ tài chính với lãi suất ưu đãi	+ Các công cụ có lãi suất ưu đãi được ghi nhận theo giá trị hợp lý + Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý được ghi nhận trong báo cáo lãi/lỗ tương ứng.	+ Không có quy định nào về việc ghi nhận các công cụ tài chính có ưu đãi lãi suất, do đó ghi nhận các công cụ tài chính có lãi suất ưu đãi giống như các công cụ tài chính thông thường.
Chi phí giao dịch công cụ tài chính	+ Được phân bổ trong suốt thời hạn khoản vay dưới dạng điều chỉnh thu nhập khoản vay.	+ Ghi nhận thẳng vào lãi/lỗ tách biệt khỏi ghi nhận và đo lường các khoản cho vay và phải thu.

Nguồn: Nhóm nghiên cứu tổng hợp

2.3. Nhận xét chung về việc tuân thủ IFRS của các ngân hàng

Dựa vào kết quả so sánh trên có thể đưa ra một số đánh giá sau:

Thứ nhất, các ngân hàng đều áp dụng chuẩn mực quốc tế từ rất sớm, tự nguyện áp dụng trước khi Bộ Tài chính có yêu cầu áp dụng bắt buộc. Điều đó thể hiện các ngân hàng có sự chủ động trong việc hội nhập với quốc tế, nâng cao chất lượng thông tin tài chính của chính ngân hàng với các nhà đầu tư.

Thứ hai, chỉ tiêu lợi nhuận và tổng tài sản trên BCTC IFRS có sự điều chỉnh giảm so với ghi nhận và đo lường so với VAS.

Thứ ba, mặc dù lợi nhuận và tổng tài sản bị ghi nhận giảm nhưng IFRS trình bày thông tin về các công cụ tài chính một cách hợp lý, kết quả kinh doanh

được ghi nhận chính xác và kịp thời. Thông tin tài chính đã phản ánh thực tế về nguồn lực của ngân hàng và phù hợp với giá trị thị trường. Đồng thời, IFRS nâng cao khả năng quản trị rủi ro, tăng khả năng chống đỡ cho các ngân hàng.

Bên cạnh đó, việc áp dụng IFRS tại các NHTM vẫn còn một số vấn đề tồn tại như:

Một là, số lượng NHTM chủ động trong việc lập và công bố BCTC theo IFRS chưa nhiều. Đặc biệt, số lượng ngân hàng triển khai chuẩn mực BCTC quốc tế về công cụ tài chính (IFRS9) còn rất khiêm tốn.

Hai là, hiện nay, phần lớn các NHTM chưa thể tự lập trong quá trình chuyển đổi từ BCTC theo VAS sang IFRS mà phải nhờ sự hỗ trợ từ phía các công ty kiểm toán do: (i) Các cơ quan có thẩm quyền chưa có văn bản

hướng dẫn áp dụng chi tiết; (ii) Bản thân các ngân hàng chưa đủ nguồn lực để triển khai.

3. Lộ trình áp dụng IFRS tại Việt Nam

Trước tầm quan trọng và sự cần thiết phù hợp với thông lệ quốc tế và trong bối cảnh IFRS ngày càng cấp thiết, Việt Nam cũng đã từng bước xây dựng được lộ trình áp dụng IFRS riêng được thể hiện chi tiết trong “Đề án áp dụng IFRS tại Việt Nam” do Bộ Tài chính soạn thảo và công bố tại Quyết định số 345/QĐ-BTC ngày 16/03/2020. Theo đó, lộ trình áp dụng IFRS được chia ra làm 3 giai đoạn:

Giai đoạn chuẩn bị (2020 - 2021)

- Trước tháng 3 năm 2020: Hoàn thiện Đề án áp dụng chuẩn mực BCTC tại Việt Nam.

- Trước tháng 12 năm 2020: Thành lập Ban dịch thuật, soát xét và hoàn thành bản IFRS.

- Trước tháng 3 năm 2021: Ban hành văn bản quy phạm pháp luật phù hợp bản tiếng Việt của IFRS.

- Trước tháng 11 năm 2021: ban hành văn bản quy phạm pháp luật về cách thức áp dụng IFRS. Đồng thời, Bộ Tài chính chỉnh sửa, bổ sung các cơ chế tài chính mới liên quan đến việc áp dụng BCTC quốc tế.

- Đồng thời, đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn lực, triển khai quy trình áp dụng cho toàn doanh nghiệp.

Giai đoạn áp dụng tự nguyện (2022 - 2025)

- **Đối với BCTC hợp nhất:** Một số doanh nghiệp theo quy định như: “Công ty mẹ của tập đoàn kinh tế Nhà nước quy mô lớn hoặc có các khoản vay được tài trợ bởi các định chế tài chính quốc tế; Công ty mẹ là công ty niêm yết; Công ty đại chúng quy mô lớn là công ty mẹ chưa niêm yết; Các công ty mẹ khác”. Nếu có nhu cầu và đủ nguồn lực có thể liên hệ với Bộ Tài chính trước khi tự nguyện áp dụng IFRS để lập BCTC hợp nhất.

- **Đối với BCTC riêng:** Một số doanh nghiệp theo quy định như: “Doanh nghiệp có 100% vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài là công ty con có công ty mẹ ở nước ngoài” nếu có nhu cầu và đủ nguồn lực có thể lập BCTC theo IFRS và cần thông báo cho Bộ Tài chính. Đồng thời, đảm bảo thông tin được cung cấp đầy đủ, minh bạch với bên ngoài.

Giai đoạn áp dụng bắt buộc (sau năm 2025)

- **Đối với BCTC hợp nhất:**

Theo Quyết định số 918/QĐ-BTC ngày 23/5/2017 của Bộ

trường Bộ Tài chính thì Bộ Tài chính sẽ căn cứ vào nhu cầu, khả năng của các doanh nghiệp và tình hình thực tế để quy định thời gian áp dụng và phương án áp dụng hiệu quả, yêu cầu bắt buộc áp dụng IFRS cho BCTC hợp nhất đối với những đối tượng doanh nghiệp sau: “Công ty mẹ của tập đoàn kinh tế Nhà nước; Công ty mẹ là công ty niêm yết; Công ty đại chúng quy mô lớn là công ty mẹ chưa niêm yết; Công ty mẹ quy mô lớn khác”. Các công ty mẹ khác không thuộc đối tượng bắt buộc áp dụng nêu trên nếu có nhu cầu và đủ nguồn lực có thể tự lập BCTC hợp nhất theo IFRS và cần thông báo đến Bộ Tài chính.

- **Đối với BCTC riêng:**

Theo Quyết định số 918/QĐ-BTC thì BTC sẽ căn cứ vào nhu cầu, khả năng của các doanh nghiệp và tình hình thực tế để quy định thời gian áp dụng và phương án áp dụng hiệu quả, yêu cầu bắt buộc áp dụng IFRS cho BCTC riêng lẻ. Đồng thời, khi áp dụng IFRS doanh nghiệp phải đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin và giải trình rõ ràng, minh bạch với cơ quan liên quan theo đúng quy định.

Bên cạnh việc công bố, áp dụng hoàn toàn chuẩn mực IFRS thì Đề án còn đưa ra phương án áp dụng chuẩn mực BCTC Việt Nam (VFRS) nhằm hướng đến mục tiêu xây dựng một hệ thống chuẩn mực hội tụ với chuẩn mực quốc tế với lộ trình gồm 2 giai đoạn:

Giai đoạn chuẩn bị (2020 - 2024)

- Hoàn thành đến trước tháng 3/2020 về “Đề án áp dụng chuẩn mực BCTC tại Việt Nam”.

- Thành lập xong trước tháng 6/2020 ban soạn thảo, tổ biên tập VFRS.

- Hoàn thiện xây dựng xong trước 15/11/2024 về việc ban hành VFRS, bao gồm các chuẩn mực mới và chuẩn mực được sửa đổi.

- Hoàn thiện xây dựng xong trước 15/11/2024 các văn bản hướng dẫn VFRS song song với ban hành IFRS.

Giai đoạn triển khai áp dụng VFRS (từ năm 2025)

Ngoại trừ trường hợp các doanh nghiệp siêu nhỏ và các doanh nghiệp áp dụng hoàn toàn IFRS thì Bộ Tài chính triển khai yêu cầu tất cả các doanh nghiệp Việt Nam áp dụng VFRS. Trong quá trình áp dụng, Bộ Tài chính luôn cập nhật sự thay đổi hoặc tiêu chuẩn mới của IFRS để chuẩn mực kế toán Việt Nam luôn được cập nhật, phù hợp với quốc tế.

4. Một số khuyến nghị chính sách

4.1. Về phía Chính phủ

Một là, nên tiếp tục tập trung nghiên cứu kỹ về các chuẩn mực IFRS để xem xét, đề ra các quy định, cách thức cũng như chiến lược thực hiện sao cho phù hợp nhất với đặc điểm, tình hình của các NHTM tại Việt Nam. Hiện tại, đã gần kết thúc giai đoạn 1 của “Đề án áp dụng chuẩn mực BCTC tại Việt Nam” nên cần đảm bảo các bước đầu vào hoàn thành nhanh chóng cũng như đầu tư nghiên cứu để đưa ra phương án áp dụng tốt nhất và chuẩn bị nguồn nhân lực với kiến thức chuyên môn cao.

Hai là, năm 2022 tới bắt đầu bước vào giai đoạn tự nguyện áp dụng đặt ra nhiều vấn đề như: Thực tế tại Việt Nam hiện chưa thể áp dụng toàn bộ hệ thống chuẩn mực của IFRS, song, nên áp dụng chuẩn mực nào trước, cách thức áp dụng ra sao? Giai đoạn đầu áp dụng có thể có những tác động trái chiều, vậy làm sao

để giải quyết nhanh chóng tình trạng này? Theo đó, sự kết hợp giữa cơ quan quản lý Nhà nước, lãnh đạo NHTM và nhà quản trị doanh nghiệp trong quá trình này là vô cùng cần thiết để làm tiền đề xây dựng, thay đổi chính sách cho phù hợp với thực tế.

Ba là, Chính phủ nên xây dựng một đội ngũ chuyên tư vấn, hướng dẫn và giải quyết các thắc mắc trong việc chuyển đổi từ VAS sang IFRS. Việc này không chỉ giúp các tổ chức dễ dàng thực hiện chuyển đổi mà còn giúp giảm các chi phí có liên quan. Đây có thể được coi là một trong những giải pháp quan trọng nhằm khuyến khích các tổ chức nói chung tự nguyện chuyển đổi, áp dụng IFRS thay cho VAS. Thêm vào đó, việc kết hợp với công nghệ số như xây dựng các phương thức truyền thông điện tử như website, các ứng dụng trên điện thoại di động để hướng dẫn chi tiết, công bố văn bản chính thức cũng cần được đẩy mạnh quan tâm.

Bốn là, nỗ lực nâng cao tổ chức đào tạo đội ngũ cán bộ Nhà nước và các cán bộ ngân hàng vững vàng về nghiệp vụ, nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của việc chuyển đổi các chuẩn mực BCTC thông qua việc tổ chức các buổi tọa đàm trực tuyến, thực hiện công tác kiểm tra, đánh giá năng lực thường xuyên, tạo diễn đàn trao đổi ý kiến hay tổ chức đào tạo hướng dẫn tới từng NHTM. Thêm vào đó, việc tuyển chọn kỹ lưỡng nguồn nhân lực đầu vào chất lượng cao đảm bảo cả về đạo đức và kiến thức chuyên môn cũng cần được chú trọng. Hơn thế nữa, để đẩy mạnh nhận thức về vấn đề này, việc đào tạo trong giảng đường và các trung tâm chuyên đào tạo kế toán, kiểm toán cũng cần được khuyến khích quan tâm.

4.2. Về phía các NHTM

Thứ nhất, các NHTM cần xem xét tình hình cụ thể để tiên phong và đẩy nhanh tiến độ trong việc hoàn thiện áp dụng IFRS. Việc đẩy nhanh tiến độ triển khai IFRS sẽ giúp các NHTM có sự chuẩn bị tốt nhất để tránh những cú sốc và tránh việc không kịp hoàn thành các yêu cầu của chuẩn mực mới. Đồng thời, có thể dần điều chỉnh cũng như thiết kế các quy định phù hợp trước khi bước vào giai đoạn bắt buộc áp dụng IFRS. Bên cạnh đó, việc các NHTM triển khai áp dụng IFRS sớm cũng giúp ngân hàng giảm được các loại chi phí liên quan đến quá trình chuyển đổi.

Thứ hai, việc tuân thủ theo tiêu chuẩn Basel II, chuẩn bị tiến tới chuẩn Basel III kết hợp với chuẩn mực IFRS9 cần được các NHTM chú trọng quan tâm. Tính đến thời điểm hiện tại, còn một số ngân hàng chưa hoàn thành việc triển khai áp dụng đầy đủ các trụ cột của Basel II, đồng thời số lượng NHTM thử nghiệm Basel III còn hạn chế. Bên cạnh đó, số lượng NHTM áp dụng IFRS9 để quản trị rủi ro còn rất ít và cũng không nhiều ngân hàng mới bắt đầu đưa vào triển khai IFRS9. Vì vậy, các NHTM cần theo dõi sát sao các hoạt động để tích cực hoàn thành theo đúng yêu cầu của NHNN, điều này góp phần làm tăng cường kỷ luật thị trường, minh bạch thông tin, làm giảm rủi ro cho hệ thống ngân hàng cũng như bảo vệ nhà đầu tư. Thông qua đó, tạo nên hệ thống tài chính vững mạnh và đáp ứng quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Thứ ba, các NHTM cần xem xét, nghiên cứu đầu tư ứng dụng hệ thống công nghệ phù hợp vào quản trị hoạt động ngân hàng. Cụ thể, hiện nay nhiều ngân hàng

tại các nước trên thế giới đã tin tưởng lựa chọn hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP) để quản trị mọi hoạt động của mình. Đặc biệt, trong bối cảnh các NHTM Việt Nam đang gấp rút chuẩn bị để chuyển đổi từ VAS sang IFRS gặp nhiều vấn đề khó khăn trong khâu chuyển đổi. Theo đó, việc sử dụng hệ thống ERP, đặc biệt là phân hệ tài chính - kế toán sẽ giúp NHTM giải quyết rào cản này một cách dễ dàng do nền tảng công nghệ hiện đại sẽ giúp tự động chuyển đổi và lập BCTC theo đúng yêu cầu của người sử dụng.

Thứ tư, xây dựng lộ trình riêng áp dụng IFRS phù hợp với điều kiện từng NHTM và yêu cầu của Bộ Tài chính. Theo đó, các NHTM không nhất thiết phải áp dụng luôn toàn bộ hệ thống chuẩn mực mới, mà có thể nghiên cứu chuẩn bị các điều kiện và áp dụng dần dần, tiệm cận với quy định của IFRS. Việc này sẽ giúp các NHTM tránh khỏi việc bị áp lực từ sự thay đổi tương đối lớn giữa VAS và IFRS ở nhiều khoản mục quan trọng, hơn nữa quy mô các ngân hàng khác nhau và đặc điểm kinh doanh cũng khác nhau nên việc tự chuẩn bị lộ trình riêng sẽ giúp các ngân hàng nhỏ và vừa từng bước hoàn thành theo đúng Đề án Chính phủ đề ra. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Bộ Tài chính (2020), Quyết định 345/QĐ-BTC phê duyệt Đề án áp dụng chuẩn mực BCTC tại Việt Nam, ban hành ngày 16 tháng 3 năm 2020.
2. Báo cáo tài chính các ngân hàng thương mại cổ phần.
3. Epstein, Barry J. and Abbas Ali Mirza. 2003. Interpretation and Application of International Accounting Standards. John Wiley and Sons, Inc. USA.